TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28-9-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Xuân Quyết

Ông Trần Đăng Khoa

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2973/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đàm Thị M, sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm 4, thôn TM, xã GM, huyện TN, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Mohammed Abdul Q, sinh năm 1989; hiện cư trú: H. NO 4-3/251 A&B Friends Colony Hyderabad Telengana, Ấn Độ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Đàm Thị M trình bày: Chị và anh Mohammed Abdul Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng vào ngày 13/12/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở Việt Nam được 1 thời gian ngắn sau đó anh Mohammed Abdul Q về nước để bảo lãnh cho chị M sang Ấn Độ để vợ chồng đoàn tụ. Nhưng sau khi vợ chồng chung sống ở Ấn Độ được 1 tháng thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu do bất đồng phong tục tập quán, tôn giáo dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống. Sau đó chị M về Việt Nam và không có ý định sang Ấn Độ để vợ chồng đoàn tụ, anh Mohammed Abdul

Q cũng không có ý định về Việt Nam chung sống. Nay xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không thể đạt được vì vậy chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Mohammed Abdul Q.

Về con chung và tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai của bị đơn gửi về Tòa án, anh Mohammed Abdul Q trình bày: Anh thống nhất về quá trình kết hôn, lý do xin ly hôn do quá trình tìm hiểu dẫn đến kết hôn quá ngắn, do bất đồng phong tục tập quán, tôn giáo dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống vì vậy anh cùng đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị Đàm Thị M. Về con chung, tài sản chung: Vợ chồng không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh Mohammed Abdul Q ở nước ngoài nên theo khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án không tiến hành hòa giải được, trong quá trình giải quyết vụ án anh đề nghị được xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, chị Đàm Thị M vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn vì chị cho rằng vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Mohammed Abdul Q.

Về con chung và tài sản chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Chị Đàm Thị M và anh Mohammed Abdul Q cùng có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn của anh chị. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Bị đơn hiện đang cư trú tại Ấn Độ vắng mặt tại phiên toà nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đàm Thị M và anh Mohammed Abdul Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng vào ngày 13/12/2016, theo quy định tại Điều 8; Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 1 tháng thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu do bất đồng phong tục tập quán, tôn giáo dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống. Do đó cả chị M và anh Mohammed Abdul Q cùng có đơn đề nghị xin ly hôn để giải phóng cho nhau. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Đàm Thị M và anh Mohammed Abdul Q mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của chị Đàm Thị M.

[5]. Về con chung và tài sản chung: Chị Đàm Thị M và anh Mohammed Abdul Q không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đàm Thị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Chị Đàm Thị M và anh Mohammed Abdul Q được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đàm Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đàm Thị M được ly hôn anh Mohammed Abdul Q.

2. Về con chung và tài sản chung: Chị Đàm Thị M và anh Mohammed Abdul Q không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đàm Thị M phải chịu 300.000đ(*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0010858 ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng . Chị Đàm Thị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh Mohammed Abdul Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

- Chị Đàm Thị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND h. TN, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Phương